

ĐỀ ÁN

TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

I. Giới thiệu về cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.

Tên tiếng Anh: Nghe An College of Education

Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

Địa chỉ trường: 389 Lê Viết Thuật, Xã Hưng Lộc, thành phố Vinh.

+ Số điện thoại liên hệ: 02383857070

+ Số Fax: 02383857042

+ E-mail: Truongcdspna@cdspna.edu.vn

+ Website: www.cdspna.edu.vn

Năm thành lập trường: 22/07/1959

Loại hình trường: Công lập

1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An đã trải qua hơn 62 năm hình thành và phát triển. Năm 1959 Bộ trưởng Giáo dục nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Văn Huyên đã ban hành Nghị định số 379/NĐ, ngày 22 tháng 7 năm 1959 thành lập các trường sư phạm Trung cấp Nghệ An. Đây là mốc lịch sử mở đầu cho chặng đường xây dựng, phát triển của trường. Cùng với thời gian, trường lần lượt đổi tên: Sư phạm Trung cấp Nghệ An (1959 - 1970), trường sư phạm 10+3 Nghệ An (1971 - 1978), Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ Tĩnh (1978 - 1991) và Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An 1991 cho đến nay. Trường là trung tâm sư phạm của tỉnh Nghệ An có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên phục vụ cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, đào tạo các ngành nghề ngoài sư phạm theo nhu cầu xã hội và Đào tạo Tiếng Việt cơ sở cho các học viên người nước ngoài.



1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường hiện nay

- Ban giám hiệu: 2 người (01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng)
- Trường, phó trường các khoa, phòng, trung tâm: 29 người.
- Khoa: Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, Giáo dục thể chất - Nghệ thuật, Ngoại ngữ, Lý luận chính trị - Tâm lý giáo dục.
- Phòng: Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức – Hành chính, Quản trị & Công tác học sinh, sinh viên, Thanh tra – Đảm bảo chất lượng giáo dục.
- Trung tâm: Đào tạo - Bồi dưỡng nghiệp vụ và Kỹ năng mềm, Thư viện - Thiết bị.
- Trường Tiểu học và THCS Thực hành sư phạm Nghệ An

1.3. Đội ngũ và mã ngành đào tạo hiện nay

Tổng số cán bộ, viên chức là 184 người. Trong đó: 11 tiến sĩ, 142 thạc sĩ, 29 cử nhân; 05 NCS; 53 giảng viên chính; có 02 giảng viên có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc Gia Hà Nội cấp.

Trường có 23 mã ngành đào tạo cao đẳng, trong đó gồm 17 mã ngành đào tạo Cao đẳng Sư phạm và 06 mã ngành đào tạo (ngoài sư phạm); có 02 mã ngành đào tạo Trung cấp Sư phạm và 04 mã ngành đào tạo Trung cấp Giáo dục nghề nghiệp

Danh mục các ngành đào tạo

| Ngành đào tạo | | | |
|--------------------------------------|----------------------------------|----|------------------------|
| I. Cao đẳng sư phạm chính quy | | | |
| 01 | Giáo dục Mầm non | 10 | Sư phạm Văn – Nhạc |
| 02 | Giáo dục tiểu học | 11 | Sư phạm Văn – GD CD |
| 03 | Giáo dục Thể chất – Công tác đội | 12 | Sư phạm Lịch sử |
| 04 | Sư phạm Toán – Tin | 13 | Sư phạm Sử - Địa |
| 05 | Sư phạm Toán – Lý | 14 | Sư phạm Địa – Mỹ thuật |
| 06 | Sư phạm Lý – KTCN | 15 | Sư phạm Âm nhạc |
| 07 | Sư phạm Sinh - Hóa | 16 | Sư phạm Mỹ thuật |
| 08 | Sư phạm Sinh - KTNN | 17 | Sư phạm Tiếng Anh |
| 09 | Sư phạm Văn – Sử | | |
| II. Cao đẳng (ngoài sư phạm) | | | |

| | | | |
|---|---|---|---------------------------------|
| 1 | Tiếng Anh | 4 | Công tác Xã hội |
| 2 | Tiếng Anh Du lịch và Thương mại | 5 | Quản trị văn phòng |
| 3 | Công nghệ thông tin | 6 | Công nghệ thiết bị trường học |
| III. Trung cấp sư phạm | | | |
| 1 | Sư phạm Mầm non | 2 | Sư phạm Tiểu học |
| IV. Trung cấp Giáo dục nghề nghiệp | | | |
| 1 | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 3 | Phiên dịch tiếng Anh thương mại |
| 2 | Phiên dịch tiếng Anh du lịch | 4 | Tiếng Anh |

1.4. Cơ sở vật chất

1.4.1. Tổng quan về cơ sở vật chất chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- + Khu hiệu bộ : 2720m²
- + Khu học lý thuyết : 3901 m²
- + Khu học thực hành, thực tập gồm : 1175 m²
- + Khu phục vụ gồm: Thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế : 27172m²
- + Các hạng mục khác : 1000 m².

1.4.2. Các công trình, phòng học sử dụng chung

- Các phòng học được sử dụng chung: 77 phòng học lý thuyết; mỗi phòng 24 bộ bàn ghế học sinh, 01 bộ bàn ghế giảng viên.

- Phòng thí nghiệm/thực nghiệm; phòng thực hành
- + Phòng thực hành máy tính: 05 phòng
- + Phòng thực hành Vật lý: 01 phòng
- + Phòng thí nghiệm Hóa: 02 phòng
- + Phòng thực hành Sinh: 02 phòng
- + Phòng bếp thực hành kỹ thuật chế biến món ăn, dinh dưỡng mầm non: 01 phòng
- + Phòng múa: 03 phòng
- + Phòng thực hành nghiệp vụ mầm non: 02 phòng
- + Phòng thực hành nghiệp vụ tiểu học: 03 phòng
- + Phòng đàn: 02 phòng
- + Phòng Mỹ thuật: 01 phòng
- + Phòng ngoại ngữ: 02 phòng

- Các công trình phụ trợ (2 Hội trường với 800 chỗ ngồi; thư viện với diện tích 1071m² có 25 máy vi tính học online; nhà tập đa chức năng và khu thể thao; ký túc xá...)

1.4.3. Các thiết bị giảng dạy sử dụng chung

| TT | Thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------|-------------|----------|---------|
| 1 | Máy photo | cái | 02 | |
| 2 | Máy in | cái | 47 | |
| 3 | Máy tính | cái | 220 | |
| 4 | Máy chiếu | cái | 9 | |
| 5 | Màn hình tivi | cái | 32 | |

1.5. Kinh nghiệm và năng lực đào tạo tiếng Việt của Trường

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An là đơn vị duy nhất được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An giao nhiệm vụ đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào. Hằng năm, Nhà trường được giao trên 100 chỉ tiêu đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào. Bên cạnh việc đào tạo của lưu học sinh diện được cấp ngân sách, hàng năm Nhà trường còn tuyển sinh và đào tạo cho lưu học sinh diện tự túc kinh phí theo nhu cầu của người học. Với 19 năm đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài, trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An đã từng bước khẳng định được chất lượng đào tạo, là địa chỉ tin tưởng cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho nước bạn Lào. Đến nay, Trường đã tổ chức đào tạo tiếng Việt cho gần 2000 lưu học sinh Lào. Năm học 2021-2022, Nhà trường đang đào tạo tiếng Việt cho 105 lưu học sinh. Số lượng lưu học sinh này được ở tập trung tại ký túc xá của Nhà trường.

Năm 2021, Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An phê duyệt dự án đầu tư “*Xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Sinh viên Lào tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An*” theo quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chủ Tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An. Qua đó khẳng định rằng Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An đã tin tưởng về năng lực đào tạo Tiếng Việt cho người nước ngoài của đội ngũ giáo viên trường.

Vì vậy, việc được phép tổ chức đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho các lưu học sinh sau khi hoàn thành chương trình tiếng Việt có đủ điều kiện về ngôn ngữ để

học các trường cao đẳng, đại học trong toàn quốc. Mặt khác cũng giúp trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Ủy ban nhân dân Tỉnh giao. Hơn nữa, việc đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài cũng là một trong những trọng tâm chiến lược phát triển lâu dài, bền vững của nhà trường.

II. Các điều kiện chung

2.1. Cơ sở pháp lý thực hiện đề án

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT/BGDĐT, ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành “Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài”;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-BGDĐT, ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề thi và chấm thi theo định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT/BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài”;

2.2. Đơn vị thực hiện chức năng đánh giá

Trung tâm Đào tạo – Bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng mềm, được thành lập theo quyết định số 388/QĐ-CĐSP ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nghệ An.

2.2.1. Cơ cấu nhân sự của Trung tâm:

Giám đốc: ThS. GVC. Nguyễn Lâm Huy; chuyên ngành Ngữ văn

Phó giám đốc: ThS. GVC. Lê Thị Cẩm Mỹ; chuyên ngành CNTT

06 Chuyên viên: có 05 thạc sĩ và 01 tiến sĩ

(Có danh sách ở phụ lục kèm theo đề án)

2.2.2. Đội ngũ giảng viên soạn câu hỏi thi, đề thi và chấm thi:

Có 17 giảng viên có chuyên môn thuộc ngành Ngữ văn và Ngôn ngữ:

(Có danh sách ở phụ lục kèm theo đề án)

2.2.3. Đội ngũ kỹ thuật viên:

Có 7 cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp

(Có danh sách ở phụ lục kèm theo đề án)

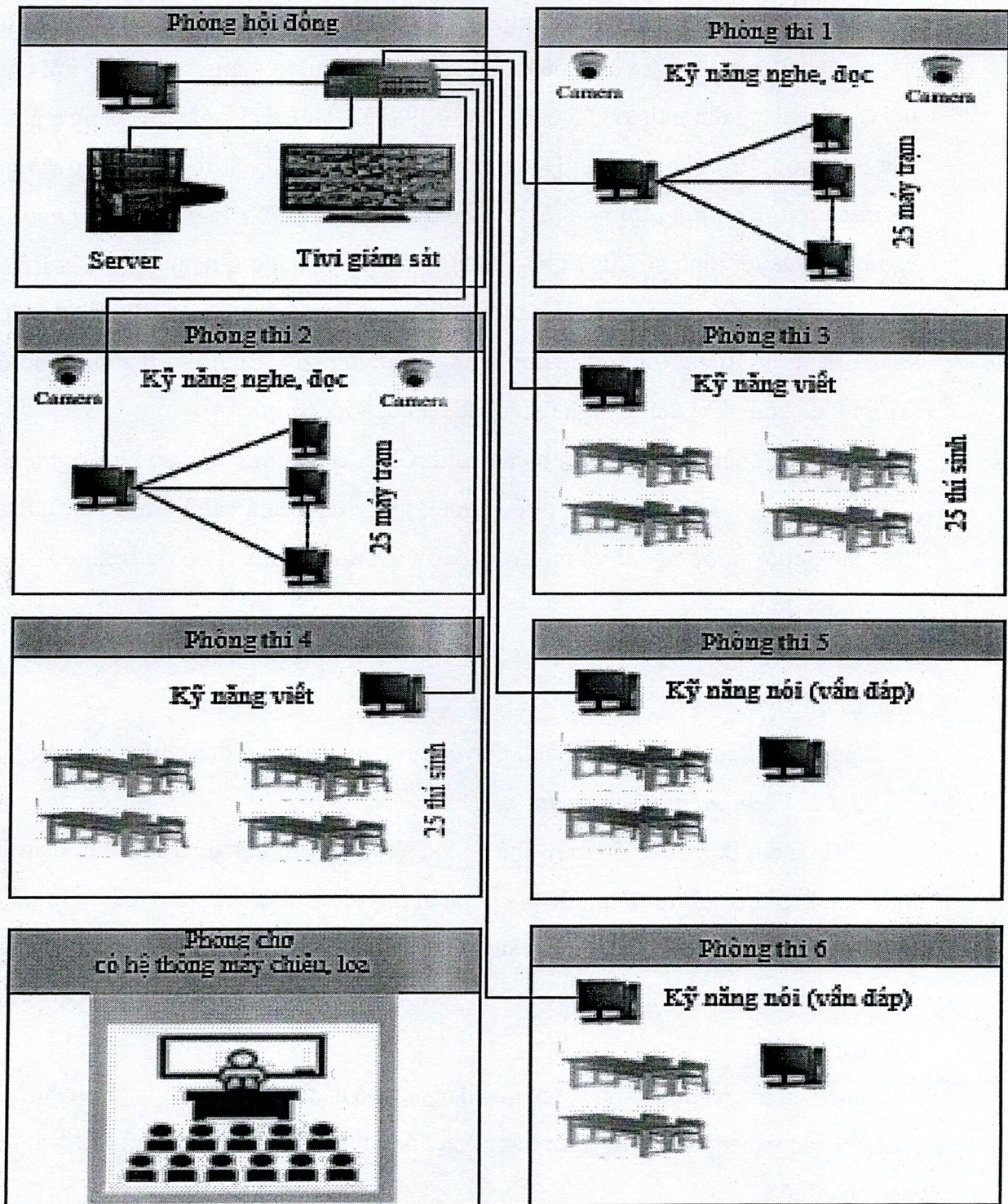
2.3. Cơ sở vật chất tổ chức đánh giá

Nhà trường đã đầu tư 08 phòng thi đảm bảo các trang thiết bị và điều kiện để tổ chức thi 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết như sau:

| STT | Cơ sở vật chất | Số lượng | Mô tả đáp ứng điều kiện tổ chức |
|-----|-----------------------------------|---|---|
| 1. | Phòng thi | <ul style="list-style-type: none"> - 03 Phòng thi trên máy (kỹ năng nghe, đọc) Phòng B201, B202, B203 - 02 Phòng thi tự luận trên giấy (kỹ năng viết) Phòng B101, B102 - 02 Phòng thi vấn đáp (kỹ năng nói) Phòng B103, B104 - 01 Phòng chờ | <ul style="list-style-type: none"> - Có máy chủ để lưu thông tin về bài làm của thí sinh, có ổ ghi đĩa CD và thiết bị lưu điện. - Thiết kế từng vị trí thi trong phòng cách ly âm thanh, có đủ ánh sáng, bàn, ghế phần, bảng, màn chiếu - có hệ thống camera giám sát - Đồng hồ ... |
| 2 | Máy tính | 60 máy tính bàn | <ul style="list-style-type: none"> - Có thiết bị chụp ảnh, tai nghe và micro; - Được quét sạch virus, không có phần mềm và tài liệu liên quan tới nội dung thi; - Được bố trí vị trí ngồi thi với cự ly 1,2 mét; được ngăn cách bằng các vách ngăn. |
| 3 | Thiết bị cầm tay kiểm tra an ninh | 2 | Hoạt động tốt |
| 4 | Phòng bảo quản đồ | 1 (100 chỗ) | Đang sử dụng tốt |
| 5 | Phòng Hội đồng thi | 1 | Đang sử dụng |
| 6 | Tủ sắt có khóa | 1 | Đang sử dụng tốt |

Khu vực thi đảm bảo các yêu cầu an toàn, bảo mật và phòng chống cháy nổ;

Trường có hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin kỳ thi. Có trang thông tin điện tử để thông tin về kỳ thi tại địa chỉ: <http://www.cdspna.edu.vn>
Khu vực phòng thi như sơ đồ sau:



2.4. Quy trình xây dựng và sử dụng đề thi

2.4.1. Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi

Trường bố trí phòng 409 nhà hiệu bộ là nơi làm việc cho cán bộ ra đề thi (trên tầng 4 chỉ có phòng thanh tra làm việc), riêng biệt bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật cho công tác ra đề thi. Xây dựng đề thi tuân thủ các bước sau:

Bước 1. Thành lập tổ xây dựng đề thi: Chọn các giảng viên có đủ trình độ, năng lực và được tập huấn kỹ về kỹ năng xây dựng ma trận, kỹ năng soạn thảo nội dung câu hỏi có định dạng đúng theo Quyết định số 2098/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành “*Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề thi và chấm thi theo định dạng đề thi đánh giá năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*” và Quyết định số 2097/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành “*Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng việt theo khung năng lực tiếng việt dùng cho người nước ngoài*”. Biên tập thành 30 bộ đề gốc (Mỗi bộ đề gồm 4 kỹ năng Nghe hiểu, đọc hiểu, Viết và nói)

Bước 2. Thành lập tổ phản biện đề thi: Chọn các giảng viên có kinh nghiệm trong giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, trong đánh giá các kỹ năng sử dụng tiếng Việt của người nước ngoài và mời các giáo viên ngoài đơn vị có đủ trình độ, năng lực cùng thẩm định.

Bước 3. Tổ xây dựng đề thi thảo luận, chỉnh sửa thành bộ đề thi hoàn chỉnh. Trình Hiệu trưởng.

Bước 4. Hiệu trưởng ban hành Quyết định quy trình sử dụng bộ ngân hàng đề thi.

2.4.2. Phần mềm tổ chức thi

Phần mềm được cài lên máy chủ có thể phục vụ cho hơn 50 thí sinh trong một lượt thi. Cho phép thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm, làm bài thi bằng thông tin tài khoản thi cá nhân, được in và phát cho thí sinh vào đầu buổi thi. Phần mềm có chức năng phân quyền cho người dùng, những quyền bao gồm: Quản trị hệ thống, cán bộ nhập đề thi, thí sinh tham gia thi.

Phần mềm có chức năng tạo ra thành nhiều mã đề thi (đề kỹ năng nghe hiểu, kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng Viết) từ ngân hàng câu hỏi thi (mỗi thí sinh tham gia thi làm một mã khác nhau)

Trong quá trình thí sinh làm bài, phần mềm luôn hiện đồng hồ đếm ngược; xem danh sách tình trạng các câu hỏi: đã làm, chưa làm, đang xem. Thí sinh có thể đặt trạng thái xem lại sau cho những câu hỏi chưa chắc chắn.

Phần mềm có khả năng bảo mật, tất cả quá trình làm bài của thí sinh đều được lưu

trên máy chủ gồm thời điểm chọn câu trả lời. Khi hết thời gian làm bài, phần mềm sẽ tự động lưu và kết thúc bài thi của thí sinh.

Phần mềm tự động chấm điểm trực tiếp các bài thi trắc nghiệm của các kỹ năng nghe, đọc, phân quyền cho giáo viên chấm thi Viết. Xuất bảng điểm 3 phần dưới dạng excel, cán bộ phụ trách Công nghệ thông tin nhập điểm nói vào bảng để được kết quả cuối cùng, từ đó tạo file kết quả của thí sinh. Phần mềm có chức năng sao lưu kết quả của các khóa thi đã diễn ra.

2.5. Công tác tổ chức thi đánh giá năng lực

2.5.1. *Đội ngũ kỹ thuật viên hỗ trợ công nghệ thông tin và hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật khác*

Trường có đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin có chuyên môn tốt, sử dụng thuần thục các thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức và chấm thi.

2.5.2. *Cán bộ chấm thi*

Các cán bộ chấm thi các kỹ năng: nói, viết (Chấm trực tiếp trên máy) là những giảng viên có kinh nghiệm trong chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo bài bản và là giảng viên lâu năm trong quá trình đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài tại trường.

2.5.3. *Quy trình tổ chức thi*

Bước 1: Thí sinh xem danh sách phòng thi, nhận tài khoản dự thi, vào phòng thi trực tiếp trên máy theo sự hướng dẫn của giám thị.

Bước 2: Thí tự đăng nhập tài khoản của mình. Trên màn hình máy tính cho thí sinh chọn thi kỹ năng thứ nhất Đọc hiểu. Sau khi trả lời hết 40 câu hỏi của phần thi hoặc hết thời gian làm bài, thí sinh chọn lệnh kết thúc phần thi. Giám thị cho thí sinh ký vào danh sách tham gia thi kỹ năng Đọc hiểu.

Bước 3: Sau phần thi thứ nhất trên màn hình máy tính cho thí sinh chọn thi kỹ năng thứ hai Nghe hiểu (Thí sinh đeo tai nghe để thực hiện phần thi). Sau khi trả lời hết 55 câu hỏi của phần thi hoặc hết thời gian làm bài, thí sinh chọn lệnh kết thúc phần thi. Giám thị cho thí sinh ký vào danh sách tham gia thi kỹ năng Nghe hiểu.

Bước 4: Sau phần thi thứ hai trên màn hình máy tính cho thí sinh chọn thi kỹ năng Viết (Thí sinh đeo tai nghe để thực hiện phần thi). Sau khi thực hiện xong 3 phần thi hoặc hết thời gian 60 phút làm bài, thí sinh chọn lệnh kết thúc phần thi. Giám thị cho thí sinh ký vào danh sách tham gia thi kỹ năng Viết.

Bước 5: Thí sinh di chuyển đến phòng chờ để thi kỹ năng Nói, phần thi này thí

sinh phải thi bằng hình thức vấn đáp. Giám thi gọi lần lượt các thí sinh theo danh sách, mỗi thí sinh thực hiện thi kỹ năng nói trong thời gian 15 phút gồm 3 phần (Trình bày về bản thân, thảo luận tìm giải pháp cho một vấn đề bóc thăm, thí sinh trình bày ý kiến về một chủ đề cho trước). Kết thúc phần thi, 2 giám khảo cho điểm kỹ năng nói độc lập vào bảng điểm sau đó thống nhất tổng hợp kết quả vào bảng điểm tổng hợp và cho thí sinh ký vào bản xác nhận tham gia thi.

Bước 6: Thí sinh kết thúc các phần thi, đợi thông báo kết quả sau 10 ngày làm việc. Kết quả được thông báo qua trang Web của nhà trường và báo cho từng thí sinh qua địa chỉ email đã đăng ký. Thí sinh được nhận chứng chỉ sau 15 ngày kể từ khi kết thúc các phần thi.

III. Quy đổi điểm sang các bậc năng lực

3.1. Cách tính điểm

Mỗi kỹ năng được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm. Điểm trung bình của 4 kỹ năng: Làm tròn đến 0,5 điểm, được dùng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Việt. Thí sinh đạt 0 điểm của 1 trong 4 kỹ năng thì không quy đổi điểm sang các bậc năng lực trung bình.

Bảng quy đổi điểm sang các bậc năng lực theo Khung NLTV 6 Bậc & CEFR

| Điểm | Bậc năng lực | Mô tả tổng quát | CEFR |
|-----------|--------------|---|------|
| 2,0 - 3,5 | 2 | Hiểu các câu và cấu trúc ngôn ngữ thường dùng, liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như: Thông tin về gia đình, bản thân, mua bán, hỏi đường, việc làm. Có khả năng trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu. | A2 |
| 4,0 - 5,5 | 3 | Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về những chủ đề quen thuộc trong công việc, học tập, giải trí. Có khả năng xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra khi đến nơi có sử dụng tiếng Việt. Viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến những chủ đề quen thuộc mà mình quan tâm. Mô | B1 |

| | | | |
|-----------|---|--|----|
| | | tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mong muốn và trình bày ngắn gọn được lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình. | |
| 6,0 - 7,0 | 4 | Hiểu được ý chính của một văn bản tương đối phức tạp về những chủ đề khác nhau, kể cả những trao đổi có nội dung thuộc về lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có khả năng giao tiếp tự nhiên, trôi chảy với người Việt. Viết những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và nêu được quan điểm của mình về một vấn đề. Chỉ ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án khác nhau. | B2 |
| 7,5 - 8,5 | 5 | Nhận biết và hiểu được hàm ý của những văn bản dài, có phạm vi nội dung rộng. Có khả năng diễn đạt trôi chảy, tức thì, không khó khăn khi tìm từ ngữ diễn đạt. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích quan hệ xã hội, mục đích học thuật và chuyên môn. Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết trong văn bản. | C1 |
| 9,0 - 10 | 6 | Dễ dàng hiểu hầu hết các văn bản nói và viết. Có khả năng tóm tắt được các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại và trình bày lại được một cách logic. Diễn đạt rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được những khác biệt tinh tế về ý nghĩa trong các tình huống phức tạp. | C2 |

3.2. Về định dạng đề thi năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài

3.2.1. Đề thi Nghe

Thời gian làm bài: 60 phút. Thí sinh chỉ nghe 1 lần.

Cấu trúc đề thi: Gồm có bốn phần:

+ Phần 1: Nghe một phát ngôn, hội thoại ngắn.

- + Phần 2: Nghe các thông báo, hội thoại ngắn.
- + Phần 3: Nghe các bài hội thoại vừa và dài.
- + Phần 4: Nghe các bài diễn văn, bài nói chuyện dài.

Số lượng câu hỏi: 55 câu, độ khó từ bậc 1 đến bậc 6. Mỗi câu có nhiều nhất phương án, thí sinh chọn phương án trả lời đúng nhất trong các phương án đó.

Tổng số điểm: 55 điểm, sau đó quy thành điểm 10.

3.2.2. Đề thi Đọc

Thời gian làm bài: 60 phút

Cấu trúc đề thi: Gồm có hai phần:

+ Phần 1: gồm 2 bài đọc về những vấn đề chung thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, độ khó dành cho bậc 1,2, 3; tổng độ dài khoảng 900 tiếng. Có tất cả 16 câu hỏi, mỗi câu có 4 phương án, thí sinh chọn phương án trả lời đúng nhất trong 4 phương án.

+ Phần 2: gồm 3 bài đọc về những vấn đề khoa học, văn chương, báo chí dành cho bậc 4, 5, 6; tổng độ dài khoảng 1300 tiếng. Có tất cả 24 câu hỏi, mỗi câu có 4 phương án, thí sinh chọn phương án trả lời đúng nhất trong 4 phương án.

Độ dài toàn bài thi Đọc: khoảng 2200 tiếng, bao gồm 40 câu hỏi.

Tổng số điểm: 40 điểm, sau đó quy thành điểm 10.

3.2.3. Đề thi Nói

Thời gian làm bài: 15 phút

Cấu trúc đề thi: Gồm có ba phần:

+ Phần 1: tương tác xã hội. Giám khảo hỏi thí sinh từ 3 -6 câu hỏi thuộc một số chủ đề khác nhau.

+ Phần 2: thảo luận về giải pháp. Thí sinh được cung cấp một tình huống với một số lựa chọn để giải quyết vấn đề. Thí sinh trình bày giải pháp mà mình cho là tốt nhất và cho biết tại sao mình không chọn các giải pháp khác. Phần này được thiết kế dưới dạng một đoạn văn ngắn, có thể có bản đồ, bảng biểu, hình ảnh.

+ Phần 3: phát triển chủ đề. Thí sinh trình bày ý kiến về một chủ đề cho trước. Giám khảo hỏi từ 1 -3 câu hỏi liên quan đến nội dung của chủ đề. Câu hỏi 1 được thiết kế cho bậc 3. Câu hỏi 2 được thiết kế cho bậc 4. Câu hỏi 3 được thiết kế cho bậc 5, 6.

Tổng số điểm: 10 điểm theo thang điểm 10.

3.2.4. Đề thi Viết

Thời gian làm bài: 60 phút

Cấu trúc đề thi: Gồm có ba phần:

+ Phần 1: kiểm tra viết chính tả tiếng Việt. Thời gian làm bài: 10 phút. Số từ trong văn bản không quá 120 tiếng. Thí sinh được nghe 1 lần. Điểm: 2,5 điểm.

+ Phần 2: kiểm tra kỹ năng viết tương tác. Thời gian làm bài: 20 phút. Số từ tối thiểu phải viết: 120 tiếng. Thí sinh viết một bức thư/e-mail gửi cho một người để hỏi thông tin hoặc trả lời một bức thư/e-mail cho sẵn. Điểm: 2,5 điểm.

+ Phần 3: viết theo chủ đề. Thời gian làm bài: 30 phút. Số từ tối thiểu: 200 tiếng. Thí sinh viết một bài luận theo chủ đề chung hoặc chủ đề học thuật. Điểm: 5 điểm.

Tổng số điểm: 10 điểm theo thang điểm 10.

IV. Tổ chức thi

4.1. Địa điểm thi

Tại các phòng thi B101 đến B404, Tòa nhà B, Trường CDSP Nghệ An, 389 Lê Viết Thuật, xã Hưng Lộc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

4.2. Đối tượng dự thi

Tất cả các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực tiếng Việt và cấp chứng chỉ tiếng Việt.

4.3. Nộp hồ sơ dự thi và đóng lệ phí

Thí sinh đến đăng ký trực tiếp tại Trung tâm Đào tạo – Bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng mềm. Trường CDSP Nghệ An. Số 389 Lê Viết Thuật, xã Hưng Lộc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An để nộp hồ sơ dự thi và đóng lệ phí thi. Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

- + Phiếu đăng ký dự thi (mẫu)
- + 02 ảnh cỡ 4cm × 6cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng ký dự thi, mặt sau của ảnh ghi rõ họ và tên, ngày sinh;
- + 01 bản sao có công chứng Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.



4.4. Danh sách phòng thi

Trước ngày thi 3 ngày, thí sinh xem danh sách phòng thi và số báo danh tại website:
<http://www.cdspna.edu.vn>

4.5. Kết quả thi

Thông báo tại website: sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.

4.6. Chứng chỉ

Thí sinh đạt yêu cầu nhận Chứng chỉ sau 15 ngày làm việc kể từ ngày thi.

4.7. Thông tin liên hệ

Điện thoại: 02383857070

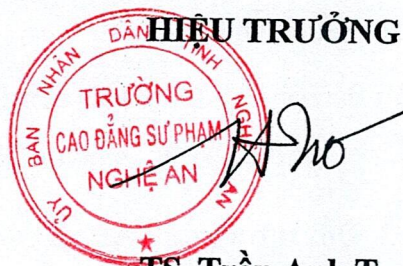
Website: <http://www.cdspna.edu.vn>

V. Cam kết thực hiện đề án

Trường CĐSP Nghệ An cam kết thực hiện việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý chất lượng-Bộ GDĐT;
- UBND Tỉnh Nghệ An;
- Lưu VT, ĐT-NCKH



TS. Trần Anh Tư